



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 21.05.12.366

- |   |   |
|---|---|
| 1. Tên mẫu/Name of sample   | Nước đã qua xử lý                                     |
| 2. Tên/địa chỉ khách hàng<br>Name/Address of customer               | Trạm cấp nước Yên Viên<br>Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội |
| 3. Mô tả mẫu/Sample description                                     | Trong chai nhựa 1 chai x 1,5l                         |
| 4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample                          | 12/05/2021  |
| 5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel<br>performing/sending sample(s) | Khách hàng tự gửi mẫu/By customer                     |
| 6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates<br>of testing activities     | 12/05 - 17/05/2021                                    |
| 7. Kết quả thử nghiệm/Test results                                  |   |

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01:2009
1	Màu sắc /Color	Cảm quan /Sensory		Không màu	Không màu
2	Mùi vị /Odor	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không mùi vị
3	Độ đục /Turbidity	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	< 0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
5	Nitrit / Nitrite (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,1	≤ 3
6	Nitrat /Nitrate (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,0	≤ 50
7	Sắt tổng số / Iron (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,09	≤ 0,3
8	Chỉ số Pecmanganat /Pecmanganate Index	TCVN 6186:1996	mg/L	0,7	≤ 2
9	Clorua /Chloride (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	25,5	≤ 250
10	Độ cứng / Total Calcium and magnesium (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	138	≤ 300
11	Mangan tổng số/ Manganese (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	< 0,05	≤ 0,3
12	Sunphat /Sunfate (*)	SMEWW4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E	mg/L	17,9	≤ 250
13	Nitrit / Nitrite (tính theo N)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	< 0,03	
14	Nitrat /Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,22	
15	Clor dư /Chlorine residual	TCVN 6225:2011	mg/L	0,3	0,3-0,5

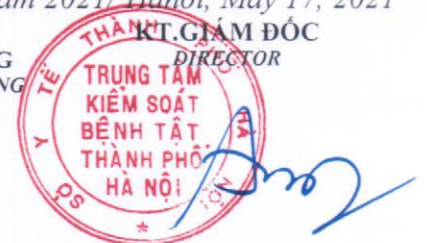
Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2021/ Hanoi, May 17, 2021

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LABORATORY

Cn. Trần Văn An

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG  
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Nguyễn Thị Kiều Anh**

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.





**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 21.05.12.366

1. Tên mẫu: Nước đã qua xử lý  
*Name of sample*
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trạm cấp nước Yên Viên  
*Name/Address of customer*  
Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội
3. Mô tả mẫu: Trong chai nhựa 1 chai x 1,5L  
*Sample description*
4. Ngày nhận mẫu: 12/05/2021  
*Date of receiving sample*
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi mẫu  
*Sample taking*  
*By customer*
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: 12/05/2021 - 17/05/2021  
*The dates of testing activities*
7. Kết quả thử nghiệm:  
*Test results*

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	Giới hạn tối đa cho phép <i>Regular limit</i> QCVN 01:2009/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2009	CFU/100mL	0	0
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1:2009	CFU/100mL	0	0

8. Nhận xét:  
*Remarks*

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2021  
*Hanoi, May 17, 2021*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
*LABORATORY*

ThS. Nguyễn Thành Đông

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG  
*DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Nguyễn Thị Kiều Anh**

- 1.(\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) *Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
- 2.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.*
- 3.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
*The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
- 4.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- 5.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
*Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*
- 6.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
*This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*